TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 109/2017/KDTM-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng góp vốn đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Thành Viên
Ông Phan Minh Thanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Kiều Oanh, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 29 tháng 9 năm 2017 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2017/TLST-KDTM ngày 27 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng góp vốn đầu tư theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1694/2017/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Hồng K và bà Diệp Thị Thùy D; địa chỉ cư trú: Phường C, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phúc T; địa chỉ liên lạc: Đường P, Phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền lập ngày 19/01/2017) (Có mặt).

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư M; địa chỉ trụ sở: Đường P, Phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn B; địa chỉ cư trú: Đường P, Phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 08/02/2017, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ kiện, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Phúc T trình bày: Ngày 14/12/2010 Ông Đỗ Hồng Kvà bà Diệp Thị Thùy D có ký với Công ty Cổ phần Đầu tư M (sau đây viết tắt là Công ty) hợp đồng góp vốn đầu tư số 07/10/HĐGV do ông Lê Văn B, chức vụ Giám đốc làm đại diện. Theo thỏa thuận việc góp vốn để cùng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại xã K, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh - Khu quy hoạch mở rộng Nam Sài Gòn. Giá trị vốn góp của ông K, bà D là 340.000.000đ (Ba trăm bốn mươi triệu đồng), thời gian góp vốn ngắn nhất là 24 tháng hoặc dài nhất là 60 tháng. Quyền lợi góp vốn mà phía ông K, bà D sẽ nhận được là 100m2 đất trong dự án. Sau khi ký kết hợp đồng góp vốn, ông K và bà D đã thực hiện nghĩa vụ của mình bằng cách chuyển số tiền 340.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty vào ngày 27/12/2010. Ngoài ra, theo lời ông B để đẩy nhanh tiến độ dự án thì phía ông K, bà D còn tiếp tục chuyển cho Công ty 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) vào ngày 18/4/2011. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn góp vốn theo hợp đồng nhưng phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ giao đất cho ông K, bà D. Qua tìm hiểu ông K, bà D được biết Công ty không thực hiện dự án nào ở khu Nam Sài Gòn. Phía ông K, bà D đã nhiều lần yêu cầu phía Công ty trả lại tiền góp vốn nhưng đến nay phía Công ty chỉ mới trả được 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), còn nợ lại 410.000.000đ (Bốn trăm mười triệu đồng). Do vậy, ông K và bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên bố hợp đồng góp vốn số 07/HĐGV ngày 14/12/2010 là vô hiệu.

Yêu cầu bị đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư M phải hoàn trả lại số tiền ông K, bà D đã góp vào công ty là 410.000.000 đồng.

Yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại 13 tháng tiền không thực hiện hợp đồng, cụ thể (410.000.000 x 20% x 50%)/12 x 13= 44.416.667 đồng.

Tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho ông K, bà D là 454.416.667đ (Bốn trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Tại bản tự khai ngày 28/4/2017 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn - Ông Lê Văn B trình bày: Phía bị đơn xác nhận có ký hợp đồng góp vốn đầu tư số 07/HĐGV ngày 14/12/2010 với Ông Đỗ Hồng K và bà Diệp Thị Thùy D, có nhận của ông K và bà D tổng số tiền là 510.000.000đ (Năm trăm mười triệu đồng). Về dự án khu quy hoạch mở rộng Nam Sài Gòn phía Công ty cũng chỉ nghe thông tin sẽ có dự án được triển khai ở xã K, huyện B nên mới kêu gọi Ông K, bà D góp vốn để đầu tư đón đầu. Thực tế, với tư cách là người đại diện cho công ty, ông B cũng đã nhận chuyển nhượng một số đất tại xã K, huyện B nhưng chưa hoàn tất thủ tục pháp lý và dự án không được triển khai nên Công ty cũng bị thiệt hại. Về phía ông K, bà D khi chưa hết hạn góp vốn thì đã yêu cầu rút lại vốn góp nhưng phía Công ty vẫn chấp nhận và đã trả lại cho ông K, bà D 100.000.000 đồng. Hiện Công ty

còn giữ tiền vốn góp của ông K, bà D là 410.000.000 đồng. Việc dự án không được triển khai công ty cũng bị thiệt hại chứ không riêng gì ông K, bà D. Về phần trách nhiệm, Công ty đồng ý sẽ trả lại số tiền 410.000.000 đồng cho ông K, bà D nhưng không đồng ý trả lãi vì đây là hợp đồng góp vốn đầu tư, không phải là hợp đồng vay và Công ty chỉ trả lại tiền sau khi ông K thực hiện đăng báo cải chính các thông tin đã đăng không đúng về Công ty.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qúa trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác minh tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: đối với yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng góp vốn nhận thấy các bên ký kết hợp đồng góp vốn nhằm mục đích đầu tư sinh lợi. Hợp đồng ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên. Khi ký kết hợp đồng nguyên đơn đã nhận thức được việc đầu tư đón đầu nên phải chấp nhận cả rủi ro phát sinh, không có cơ sở để cho rằng bị đơn lừa dối. Yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng là không có cơ sở. Đối với yêu cầu hoàn trả vốn góp: Do dự án không được thực hiện, phía bị đơn cũng đồng ý chấm dứt hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu trả lại vốn góp là có cơ sở. Việc hợp tác đầu tư dựa trên nguyên tắc cùng chia sẽ lợi nhuận hoặc cùng gánh chịu rủi ro nên yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đỗ Hồng Kvà bà Diệp Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư M trả lại tiền vốn góp theo hợp đồng góp vốn đầu tư được ký kết giữa đôi bên; đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại. Bị đơn có trụ sở tại quận Gò Vấp nên căn cứ các Điều 30, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Căn cứ hợp đồng góp vốn đầu tư số 07/10/HĐGV ký ngày 14/12/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư M với Ông Đỗ Hồng Kvà bà Diệp Thị Thùy D và sự xác nhận của đại diện các bên đương sự trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định việc hợp tác góp vốn đầu tư giữa đôi bên là có thật.

- Xét yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng góp vốn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy mục đích các bên hướng đến khi ký kết hợp đồng là "*để cùng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại xã K, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh - Khu quy hoạch mở rộng Nam Sài Gòn*". Hợp đồng tuy không thể hiện rõ quyền sử dụng đất các bên dự kiến chuyển nhượng có số thửa, diện tích cụ thể như thế nào nhưng hợp đồng có xác định cụ thể đất chuyển nhượng là đất tọa lạc tại xã K, huyện B, TP. Hồ Chí Minh thuộc khu quy hoạch mở rộng Nam Sài Gòn. Qúa trình làm việc tại Tòa, các đương sự đều thừa nhận tại thời điểm ký kết hợp đồng cho đến khi nguyên đơn thực hiện việc khởi kiện thì dự án nói trên là không có thật. Sự thừa nhận của các đương sự cũng phù hợp với xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã K, huyện B về việc tại địa phương không tồn tại dự án nào mang tên *"Khu quy hoạch mở rộng Nam Sài Gòn"*. Do dự án *"Khu quy hoạch mở rộng Nam Sài Gòn"* không có thật nên đối tượng mà các bên hướng đến trong việc hợp tác đầu tư không thể thực hiện được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng góp vốn đầu tư vô hiệu là có cơ sở. Căn cứ Điều 411 của Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng góp vốn đầu tư là vô hiệu.

- Xét yêu cầu bị đơn trả lại vốn góp: Do hợp đồng góp vốn bị vô hiệu nên căn cứ Điều 137 của Bộ luật dân sự năm 2005, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Căn cứ các tài liệu về việc chuyển tiền thông qua tài khoản ngân hàng của nguyên đơn, bị đơn và sự xác nhận của các đương sự, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định tổng số tiền nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn là 510.000.000đ (Năm trăm mười triệu đồng). Phía bị đơn đã chuyển trả lại cho nguyên đơn 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và hiện bị đơn còn giữ của nguyên đơn số tiền 410.000.000đ (Bốn trăm mười triệu đồng). Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả 410.000.000đ (Bốn trăm mười triệu đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

- Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng các bên ký kết với nhau nhằm mục đích đầu tư sinh lợi, các bên đều tự nguyện, bình đẳng khi giao kết hợp đồng. Mục đích các bên hướng tới khi hợp tác

với nhau là *"để cùng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại xã K, huyện B, Tp. Hồ Chí Minh - Khu quy hoạch mở rộng Nam Sài Gòn"*. Căn cứ vào thỏa thuận nêu trên và sự xác nhận của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa có thể thấy khi ký kết hợp đồng nguyên đơn cũng biết được quyền sử dụng đất tại xã K, huyện B, Tp. Hồ Chí Minh - Khu quy hoạch mở rộng Nam Sài Gòn không phải của bị đơn và chưa có dự án nhưng vẫn chấp nhận đầu tư. Như vậy, với tư cách là nhà đầu tư phía nguyên đơn phải có trách nhiệm với các quyết định của mình, phải tự kiểm tra tính pháp lý của dự án mình muốn tham gia đầu tư. Phía nguyên đơn không thể quy hết hết trách nhiệm về phía bị đơn trong khi bị đơn tham gia vào hợp đồng cũng với tư cách nhà đầu tư như nguyên đơn. Bản chất của hợp đồng hợp tác đầu tư là các bên hợp tác cùng được hưởng lợi hoặc cùng phải chia sẽ rủi ro phát sinh trong hoạt động đầu tư, nếu các bên không có thỏa thuận khác. Khi rủi ro xảy ra phía nguyên đơn quy hết trách nhiêm cho bị đơn để yêu cầu bồi thường thiệt hại là chưa thấy được hết trách nhiệm của mình trong việc hợp tác đầu tư. Hợp đồng hợp tác đầu tư mà nguyên đơn đã ký kết với bị đơn ngoài vô hiệu vì lý do có đối tượng không thực hiện được, hợp đồng còn thể hiện sự tùy tiện, dễ dãi khi ký kết hợp đồng của nguyên đơn khi các điều khoản của hợp đồng chỉ ràng buộc trách nhiệm của nguyên đơn, không ràng buộc trách nhiệm của bị đơn khi có sự vi phạm hợp đồng. Về phía bị đơn lợi dụng sự tin tưởng của nguyên đơn để đưa ra các điều khoản mang tính có lợi cho mình là thiếu thiện chí trong việc hợp tác đầu tư. Trong việc tranh chấp này, mặc dù phía nguyên đơn không chứng minh được bị đơn có yếu tố lừa dối khi ký kết hợp đồng nhưng lẽ ra với tư cách là một bên cùng hợp tác, bị đơn phải thông tin một cách đầy đủ, trung thực về dự án cần đầu tư để nguyên đơn đưa ra quyết định chính xác trong việc đầu tư. Do hợp đồng vô hiệu đều có lỗi của các bên nên các bên phải tự gánh chịu thiệt hại. Do đó, yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn không được chấp nhận.

- Xét ý kiến của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn phải đăng báo cải chính thông tin do đăng tin sai sự thật gây ảnh hưởng uy tín của bị đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy đây là một quan hệ pháp luật khác, không liên quan đến nghĩa vụ hoàn trả vốn góp của bị đơn trong vụ kiện này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Nếu các đương sự có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện độc lập khác.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận một phần.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty Cổ phần Đầu tư Mphải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Ông

Đỗ Hồng K và bà Diệp Thị Thùy D. Ông K, bà D phải chịu tiền án phí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 137; Điều 411 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Tuyên bố hợp đồng góp vốn đầu tư số 07/HĐGV ngày 14/12/2010 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư M với Ông Đỗ Hồng K và bà Diệp Thị Thùy D là vô hiệu.

2. Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư M trả cho Ông Đỗ Hồng Kvà bà Diệp Thị Thùy D số tiền 410.000.000đ (Bốn trăm mười triệu đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Ông Đỗ Hồng Kvà bà Diệp Thị Thùy D có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty Cổ phần Đầu tư M còn phải tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền là 44.416.667đ (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) của Ông Đỗ Hồng Kvà bà Diệp Thị Thùy D.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Đỗ Hồng Kvà bà Diệp Thị Thùy D phải nộp án phí là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 11.088.334đ (Mười một triệu không trăm tám mươi tám nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng) tạm ứng án phí ông K và bà D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018117 ngày 27/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho Ông Đỗ Hồng K và bà Diệp Thị Thùy D 8.088.334đ (Tám triệu không trăm tám mươi tám nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng).

- Công ty Cổ phần Đầu tư M phải nộp án phí là 20.400.000đ (Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Ông Đỗ Hồng K, bà Diệp Thị Thùy D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty Cổ phần Đầu tư M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Việt Hà